

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HC-ST

Ngày: 22-7-2022

“V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thới

Bà Kiều Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số số 123/2022/TLST-HC ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐST-HC ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: ông Lê Văn N1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng N, Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn N2, sinh năm 1968 (đã chết). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm có:

1. Bà Mai Thị T, sinh năm 1970;

2. Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1997;
 3. Ông Lê Hoàng P, sinh năm 2002;
- Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An
(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của người khởi kiện có nội dung như sau:

Ông Lê Văn N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án tỉnh Long An: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 46294 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn N2 07/3/2006 đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Lý do: Nguồn gốc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798m² tại Ấp 3, xã M, huyện T là do ông N mua của cha ông là Lê Văn T, sinh năm 1928 và mẹ ông là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1928 (đã chết) vào năm 1993 và sử dụng ổn định từ đó đến nay, có giấy xác nhận của ông Lê Văn T vào ngày 17/5/2021. Hiện tại, ông đang trực tiếp sử dụng thửa đất này trồng lúa, ranh giới rõ ràng, không tranh chấp với ai. Do kiểm tra lại diện tích đất ông đang sử dụng thì phát hiện phần đất mà ông đang quản lý sử dụng nhưng UBND huyện T đã cấp giấy cho ông Lê Văn N2 đứng tên. Sau đó, ông có làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T nhưng đến ngày 06/5/2022 ông mới nhận được văn bản trả lời Văn bản số 2907/UBND-NC ngày 06/5/2022 và Văn bản số 933/UBND-NC ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, hướng dẫn ông khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, nên ngày 16/5/2022, ông đã nộp đơn khởi kiện.

Tại Văn bản số 4954/UBND-NC ngày 15/7/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung:

Qua xem xét nội dung báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 146/BC-TNMT ngày 04/7/2022, UBND huyện T có ý kiến như sau: Ngày 24/7/1997, bà Nguyễn Thị N được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, trong đó có thửa đất số 99, tờ bản đồ 05, diện tích 798m² đất trồng lúa (LUC). Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N chỉ căn cứ sổ bộ và bản đồ địa chính, không đo đạc, kiểm tra thực tế.

Năm 2006, bà Nguyễn Thị N lập thủ tục chuyển thửa đất trên cho ông Lê Văn N2, sinh năm 1968. Theo đó, ngày 07/3/2006, ông Lê Văn N2 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 462694 thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ 05, diện tích 798m² đất trồng lúa (LUC). Thực tế, ông Lê Văn N2 và gia đình không quản lý, sử dụng thửa đất trên mà do ông Lê Văn N1, sinh năm 1960, địa chỉ Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An quản lý, sử dụng.

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Nguyễn Thị N tại thửa đất số 99, tờ bản đồ 05, diện tích 798m² đất trồng lúa

(LUC) là chưa đúng theo quy định của pháp luật đất đai. Việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 462694 do UBND huyện T cấp ngày 07/3/2006 cho ông Lê Văn N đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798m² đất trồng lúa, tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Về việc này, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết theo luật định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, bà Y, ông P trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1, chúng tôi không có ý kiến, không tranh chấp và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Ông Lê Văn N1 kiểm tra lại phần đất mình đang sử dụng thì phát hiện thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T đã được cấp cho ông Lê Văn N2, ông N1 khiếu nại và qua văn bản trả lời Văn bản số 2907/UBND-NC ngày 06/5/2022 và Văn bản số 933/UBND-NC ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, hướng dẫn ông khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Ngày 16/5/2022, ông N1 nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết là trong thời hiệu. Qua lời trình bày của các đương sự trong hồ sơ vụ án và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án tỉnh Long An cho thấy thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An do ông Lê Văn N1 đang trực tiếp quản lý, sử dụng trồng lúa, có bờ ranh rõ ràng, Ủy ban nhân dân huyện T không có kiểm tra nên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 99 cho bà Nghĩa, sau đó cấp đổi cho ông N2 là có sai sót, không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, ông N1 khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 46294 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn N2 07/3/2006 đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An, buộc Ủy ban nhân dân huyện T nộp án phí theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn N1 yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 46294 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn N2 07/3/2006 đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Do kiểm tra lại diện tích đất ông đang sử dụng thì phát hiện phần đất mà ông đang quản lý sử dụng nhưng UBND huyện T đã cấp giấy cho ông Lê Văn N2 đứng tên thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Sau đó, ông có làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T nhưng đến ngày 06/5/2022 ông mới nhận được văn bản trả lời Văn bản số 2907/UBND-NC ngày 06/5/2022 và Văn bản số 933/UBND-NC ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, hướng dẫn ông khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Ngày 16/5/2022, ông N1 nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là trong thời hiệu, vì vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng qui định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[3] Về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại: Tòa án đã có thông báo cho các đương sự nhưng người bị kiện có đơn đề nghị vắng mặt, người khởi kiện có đơn đề nghị không tiến hành đối thoại, nên Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành đối thoại được theo quy định của Điều 135, 137 Luật Tổ tụng Hành chính.

[4] Người khởi kiện ông Lê Văn N1; Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Văn Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Nguyễn Hoàng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N2, sinh năm 1968 (đã chết), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm có: bà T, bà Y, ông P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

[5] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N2 ngày 07/3/2006 đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An là căn cứ vào hợp đồng chuyển quyền từ bà Nguyễn Thị N cho ông Lê Văn N2 năm 2006. Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N2 là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định của Luật Đất đai năm 2003. Tuy nhiên, khi thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N2 đã không thực hiện kiểm tra xác minh nguồn gốc, quá trình, hiện trạng sử dụng đất là có sai sót.

[6] Về nội dung của quyết định hành chính: Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn N2 ngày 07/3/2006, nhưng thực tế ông Lê Văn N1 quản lý sử dụng thửa đất này, có bờ ranh rõ ràng, phía bên gia đình ông N2 không có ý kiến, không tranh chấp, nội dung này được thể hiện Văn bản số

933/UBND-NC ngày 28/5/2019 và văn bản số 4954/UBND-NC ngày 15/7/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Long An ngày 05/5/2021.

Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N2 thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An ngày 07/3/2006 là không đúng đối tượng sử dụng đất, là trái với quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 105, Điều 107 Luật Đất đai năm 2003. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1 là có căn cứ nên được chấp nhận, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. ông N1 đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên ghi nhận là phù hợp theo khoản 1 Điều 357, 358 Luật Tố tụng Hành chính.

Về án phí: Ông Lê Văn N1 không phải chịu án phí. Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .

Căn cứ Điều 10, Điều 49, Điều 50, Điều 105, Điều 107 Luật Đất đai năm 2003;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 46294 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn N2 07/3/2006 đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 05, diện tích 798 m² tại Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn N1 chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, (ông N1 đã nộp xong).

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Thới - Kiều Thị Kim Dung

Lương Minh Trí